

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HS-PT
Ngày: 17 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương;
Ông Nguyễn Thế Hồng,

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Hồng Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tuyết Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý: 28/2026/HS-PT, ngày 24 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo **Trần Thị Cẩm N** do có kháng cáo của bị cáo **Trần Thị Cẩm N** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST, ngày 22/01/2026 của **Tòa án nhân dân khu vực 7** - Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 24/6/1988, tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: **ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp H, xã G, tỉnh Vĩnh Long)**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Trần Văn T**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1959; Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 04 chị em; Từng sống chung như vợ chồng với **Trần Phương L**, sinh năm: 1985 và có 01 người con chung sinh năm 2007; Có chồng là **Bùi Văn C**, sinh năm: 1982; Có 02 người con: Con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm: 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất nhập cảnh từ ngày 26/8/2025 cho đến nay.

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Hoàng H**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 335, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Cẩm N là người được bà Nguyễn Thị Hoàng H thuê để giúp việc nhà cho bà H ở ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long) từ ngày 29/11/2024 với mức lương 5.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian làm việc tại nhà bà H, N phát hiện trong ngăn tủ bên trái của chiếc giường hộp trong phòng ngủ của bà H có để nhiều cọc tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, nên N nảy sinh ý định trộm tiền của bà H để tiêu xài cá nhân. Lợi dụng lúc bà H vắng nhà, vào ngày 15/3/2025 N lén lút lấy chìa khóa được bà H kẹp trong quyển sách để trên đầu giường rồi mở hộc tủ giường bên trái lấy trộm tiền của bà H giấu vào túi quần N đang mặc, N không có đếm tiền nên không biết số tiền lấy trộm được là bao nhiêu, nhưng N ước lượng khoảng trên 10.000.000 đồng. Ngày 16 và 17/3/2025 với hành vi và cách thức nêu trên, N tiếp tục lấy trộm tiền của bà H 01 lần/ngày, mỗi ngày lấy khoảng 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tiền của bà H vào ngày 17/3/2025, N mang về nhà đếm được tổng số tiền đã lấy trộm vào các ngày 15, 16 và 17/3/2025 là 46.500.000 đồng.

Vào các ngày 26 và 27/3/2025, với hành vi và cách thức nêu trên, N lấy trộm của bà H tổng số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 28/3/2025, N tiếp tục lấy trộm tiền của bà H thì bị bà H phát hiện, N lấy số tiền đã trộm ngày 28/3/2025 từ túi quần N đang mặc đưa cho bà H đếm được 10.600.000 đồng, bà H lấy lại số tiền này. N thừa nhận với bà H là trong thời gian từ ngày 15/3/2025 đến ngày 28/3/2025 N đã lấy trộm tiền của bà H tổng cộng 06 lần với tổng số tiền là 97.100.000 đồng. N cam kết sẽ trả lại tiền đã lấy trộm cho bà H còn lại là 86.500.000 đồng và xin bà H không báo Công an.

Đến ngày 14/4/2025, N trả cho bà H số tiền 13.000.000 đồng, số tiền còn lại là 73.500.000 đồng N nhiều lần hứa sẽ trả cho bà H nhưng không thực hiện. Đến ngày 30/5/2025, bà H đến Công an xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là Công an xã C, tỉnh Vĩnh Long) tố giác tội phạm.

Quá trình điều tra, Trần Thị Cẩm N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai bị hại, những người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSKV7 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Trần Thị Cẩm N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST, ngày 22/01/2026 của **Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long** đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Cẩm N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm N** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/02/2026, bị cáo **Trần Thị Cẩm N** có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST, ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo **Trần Thị Cẩm N** nói lời sau cùng: Xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 22/01/2026, ngày 04/02/2026 bị cáo kháng cáo, kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Từ ngày 15/3/2025 đến ngày 28/3/2025, tại nhà của bà **Nguyễn Thị Hoàng H** ở **ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre** (nay là **ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long**), bị cáo **Trần Thị Cẩm N** đã thực hiện hành

vi lén lút lấy trộm tiền Việt Nam đồng của bà H tổng cộng 06 lần với tổng số tiền là 97.100.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại, bị cáo nhận thức được việc làm đó là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả đồng thời mong muốn chiếm đoạt được tài sản của bị hại để bán lấy tiền tiêu xài mà không phải lao động. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục, cải tạo đồng thời cũng răn đe những trường hợp tương tự có thể xảy ra, góp phần tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm xảy ra ở địa phương.

[4] Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Thành khẩn khai báo; Bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền 13.000.000 đồng; Bị cáo có bà nội tên Nguyễn Thị C1 là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và hiện đang nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2012, năm 2017; Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị Cẩm N phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ ông Trần Văn T (cha của bị cáo) là cựu chiến binh đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Việc bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự ngày 04/02/2026 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đây là nghĩa vụ của bị cáo buộc bị cáo phải chấp hành. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Trần Thị Cẩm N**.

Giữ nguyên hình phạt tù đối với bị cáo **Trần Thị Cẩm N** tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST, ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Cẩm N** 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm:

Buộc bị cáo **Trần Thị Cẩm N** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- VKSND.TVL;
- TAND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- CQTHAHS;
- Phòng THADS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- STP. TVL;
- UBND xã Giồng Trôm;
- Lưu: hồ sơ, P.GĐKT, TTr&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Duy Mỹ Ngọc